

**BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT NĂM 2009**  
**TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN NÔNG SƠN**  
 (Ban hành theo Quyết định số 51/2008/QĐ-UBND  
 ngày 19/12/2008 của UBND tỉnh Quảng Nam)

**I. Bảng giá chuẩn đất nông nghiệp:**

**1- Giá đất trồng cây hàng năm:**

ĐVT : đồng/m<sup>2</sup>

Vị trí	Đơn giá
1	15.000
2	12.000
3	9.000
4	6.000

**2- Giá đất trồng cây lâu năm:**

ĐVT : đồng/m<sup>2</sup>

Vị trí	Đơn giá
1	10.000
2	7.000
3	4.000
4	3.000

**3- Giá đất rừng sản xuất:**

ĐVT : đồng/m<sup>2</sup>

Vị trí	Đơn giá
1	5.000
2	4.000
3	3.000
4	1.000

## II. Bảng giá đất ở tại nông thôn:

### 1- Bảng giá chuẩn:

ĐVT: đồng/m<sup>2</sup>

Vị trí	Khu vực 1	Khu vực 2
VT1	700.000	200.000
VT2	500.000	100.000
VT3	300.000	60.000
VT4	200.000	20.000
VT5	100.000	10.000
VT6	40.000	5.000

### 2.2- Bảng giá đất ở chi tiết tại các khu dân cư nông thôn:

ĐVT: đồng/m<sup>2</sup>

TT	TÊN CÁC TUYẾN ĐƯỜNG	Khu vực	Vị trí	Hệ số	Đơn giá
<b>I</b>	<b>XÃ QUẾ LỘC</b>				
<b>1</b>	<b>Đường ĐT 611A</b>				
-	Đoạn từ địa giới huyện Quế Sơn - Nông Sơn đến Cầu Bà Vinh thôn Tân Phong.	2	2	0,8	<b>80.000</b>
-	Đoạn Cầu Bà Vinh thôn Tân Phong đến đường vào chợ Thơm	2	2	1,2	<b>120.000</b>
-	Đoạn từ đường vào chợ Thơm đến địa giới xã Quế Lộc - Quế Trung.	2	2	0,8	<b>80.000</b>
<b>2</b>	<b>Đường xã</b>				
2.1	Tuyến tiếp giáp đường ĐT 611A đi thôn Lộc Đông (giáp cầu Bà Vinh)				
-	Đoạn giáp đường ĐT 611A đến hết Đội thuế xã Quế Lộc (đoạn qua chợ Thơm)	2	1	1,0	<b>200.000</b>
-	Đoạn từ Đội thuế xã Quế Lộc đến hết thửa đất ở bà Phạm Thị Thu Thạnh thôn Lộc Đông (tính cho cả hai bên đường)	2	2	1,0	<b>100.000</b>
-	Đoạn từ thửa đất ở bà Phạm Thị Thu Thạnh thôn Lộc Đông đến hết thửa đất ở ông Phạm Duy Tâm thôn Lộc Đông (tính cho cả hai bên)	2	4	1,0	<b>20.000</b>
-	Đoạn từ thửa đất ở ông Phạm Duy Tâm thôn Lộc Đông đến giáp đường ĐT 611A (cầu Bà Vinh).	2	4	0,8	<b>16.000</b>
2.2	Tuyến tiếp đường đi thôn Lộc Đông đi Hồ				

	Hóc Hạ				
-	Đoạn tiếp giáp đường đi thôn Lộc Đông (từ thửa đất ở ông Văn Đình Trị thôn Lộc trung) đến hết nhà SH cộng đồng thôn Lộc Tây.	2	4	0,8	<b>16.000</b>
-	Tuyến tiếp giáp đường đi hồ Hóc Hạ (từ Trạm tin thôn Lộc Tây) đến hết thửa đất ở ông Nguyễn Đình Tân thôn Lộc Tây (cuối tuyến)	2	4	0,8	<b>16.000</b>
<b>3</b>	<b>Chợ Thơm</b>				
-	Những thửa đất ở có mặt tiền tiếp giáp trực tiếp với chợ.	2	1	0,8	<b>160.000</b>
-	Những thửa đất ở không tiếp giáp trực tiếp với chợ nhưng nằm trong khu vực chợ và cách thửa đất mặt tiền nằm trong vệt 25 mét.	2	2	1,0	<b>100.000</b>
<b>4</b>	<b>Các tuyến đường tiếp giáp với Đường ĐT 611A ngoài qui định trên (tính cho 100 mét đầu so với đường ĐT)</b>				
-	Có điều kiện thuận lợi về kinh doanh, sinh hoạt	2	4	1,0	<b>20.000</b>
-	Ít thuận lợi hơn	2	4	0,9	<b>18.000</b>
<b>5</b>	<b>Các khu dân cư còn lại</b>				
-	Đường GTNT rộng $\Rightarrow > 2,5$ m	2	4	0,8	<b>16.000</b>
-	Đường GTNT rộng từ 2-2,5m	2	5	1,2	<b>12.000</b>
	Đường GTNT rộng $< 2$ m	2	5	1,0	<b>10.000</b>
-	Các vị trí còn lại ngoài qui định trên	2	5	0,8	<b>8.000</b>
<b>II</b>	<b>XÃ SƠN VIÊN</b>				
<b>1</b>	<b>Đường ĐT 611</b>				
-	Đoạn từ địa giới huyện Quế Sơn - Nông Sơn đến Cầu Bà Vinh thôn Tân Phong.	2	2	0,8	<b>80.000</b>
-	Đoạn từ Cầu Bà Vinh thôn Tân Phong đến đường vào UBND xã Sơn Viên.	2	2	1,2	<b>120.000</b>
-	Đoạn từ đường vào UBND xã Sơn Viên đến địa giới xã Sơn Viên- Quế Trung	2	2	0,8	<b>80.000</b>
<b>2</b>	<b>Đường xã</b>				
<b>2.1</b>	<b>Tuyến từ ĐT 611A (cổng Phước Bình) đi Đập Phước Bình</b>				
-	Đoạn tiếp giáp từ đường ĐT 611A (cổng Phước Bình) đến cầu Bến Đình	2	3	1,0	<b>60.000</b>
-	Đoàn từ cầu Bến Đình đến hết thửa đất ở ông Nguyễn Vịnh (tính cho cả hai bên)	2	2	0,8	<b>80.000</b>
-	Đoạn từ thửa đất ở ông Nguyễn Vịnh đến hết	1	6	1,0	<b>40.000</b>

	thửa đất ở ông Dương Thanh Lân				
-	Đoạn từ thửa đất ở ông Dương Thanh Lân đến đập Phước Bình	2	4	1,0	<b>20.000</b>
<b>2.2</b>	<b>Tuyến tiếp đường đi đập Phước Bình đi nghĩa trang liệt sỹ xã Sơn Viên</b>				
-	Đoạn tiếp giáp từ đường đi đập Phước Bình đến hết thửa đất ở ông Nguyễn Hữu Thạnh (Nam đường), đất ở ông Nguyễn Mai Nam (Bắc đường)	2	2	0,8	<b>80.000</b>
-	Đoạn từ thửa đất ở ông Nguyễn Hữu Thạnh (Nam đường), đất ở ông Nguyễn Mai Nam (Bắc đường) đến cầu ông Sáu	2	3	0,9	<b>54.000</b>
-	Đoạn từ cầu ông Sáu đến giáp đường ĐT 611A (đoạn qua nghĩa trang liệt sỹ)	1	6	1,0	<b>40.000</b>
<b>2.3</b>	<b>Tuyến tiếp từ đường đi đập Phước Bình đi xóm Một</b>				
-	Đoạn tiếp giáp từ đường đi đập Phước Bình đến hết thửa đất ở ông Phan Thanh Khoa (tính cho cả hai bên đường)	2	2	0,8	<b>80.000</b>
-	Đoạn từ thửa đất ở ông Phan Thanh Khoa đến hết nhà thờ tộc Đỗ (tính cho cả hai bên đường)	2	3	0,9	<b>54.000</b>
-	Đoạn từ nhà thờ tộc Đỗ đến cầu Máy Nước	1	6	1,0	<b>40.000</b>
-	Đoạn từ cầu Máy Nước đến giáp đường ĐT 611A	2	2	0,8	<b>80.000</b>
<b>3</b>	<b>Các khu dân cư còn lại</b>				
-	Đường GTNT rộng $\Rightarrow$ 2,5 m	2	4	0,8	<b>16.000</b>
-	Đường GTNT rộng từ 2-2,5m	2	5	1,2	<b>12.000</b>
-	Đường GTNT rộng < 2 m	2	5	1,0	<b>10.000</b>
-	Các vị trí còn lại ngoài qui định trên	2	5	0,8	<b>8.000</b>
<b>III</b>	<b>XÃ QUẾ TRUNG</b>				
<b>1</b>	<b>Đường ĐT 611A</b>				
-	Đoạn từ địa giới xã Quế Lộc, Sơn Viên - Quế Trung đến Cầu Cao.	2	2	0,8	<b>80.000</b>
-	Đoạn từ Cầu Cao đến ngã ba Cây Muồng	2	2	1,0	<b>100.000</b>
<b>2</b>	<b>Đường ĐT610</b>				
-	Đoạn từ địa giới Duy Xuyên–Nông Sơn (đèo Phờng Rạnh) đến cầu Khe Le	1	6	1,0	<b>40.000</b>
-	Đoạn từ cầu Khe Le đến ngã ba Cây Muồng (Nam đường), kiệt ông Năm Tu (Bắc đường)	2	2	1,0	<b>100.000</b>
	<b>* Khu Trung tâm huyện</b>				

-	Đoạn từ ngã ba Cây Muồng Nam đường), kiệt ông Năm Tu (Bắc đường) đến hết Trường tiểu học (Bắc đường), kiệt đi Đồng Chợ (Nam đường)	1	2	1,0	<b>500.000</b>
-	Đoạn từ Trường tiểu học (Bắc đường), kiệt đi Đồng Chợ (Nam đường) đến hết Trung tâm Y tế huyện Nông Sơn (Nam đường), hết thửa đất ở ông Năm Bu (Bắc đường)	1	1	1,0	<b>700.000</b>
-	Đoạn từ Trung tâm Y tế huyện Nông Sơn (Nam đường), thửa đất ở ông Năm Bu (Bắc đường) đến Hết Trường PTHH Nông Sơn (Nam đường), quán bà Bảy (Bắc đường)	1	2	1,2	<b>600.000</b>
-	Đoạn từ Trường THPT Nông Sơn (Nam đường), quán bà Bảy (Bắc đường) đến cầu Bà Đội	1	2	1,0	<b>500.000</b>
-	Đoạn từ cầu Bà Đội đến hết thửa đất ở ông Nguyễn Văn Phương (tính cho cả hai bên đường)	1	2	0,8	<b>400.000</b>
-	Đoạn từ thửa đất ở ông Nguyễn Văn Phương (tính cho cả hai bên đường) đến hết Trường Tiểu học Trung Thượng (tính cho cả hai bên đường)	1	3	1,0	<b>300.000</b>
-	Đoạn từ Trường Tiểu học Trung Thượng (tính cho cả hai bên đường) đến cầu Nông Sơn.	1	2	0,8	<b>400.000</b>
	<b>Chợ Trung Phước</b>				
-	Những nhà đất có mặt tiền tiếp giáp trực tiếp với chợ	1	2	0,8	<b>400.000</b>
-	Những thửa đất ở không tiếp giáp trực tiếp với chợ nhưng nằm trong khu vực chợ và cách thửa đất mặt tiền nằm trong vệt 25 mét	1	3	1,0	<b>300.000</b>
<b>3</b>	<b>Tuyến tiếp giáp đường ĐT 610 đi Dương Cây Tàn.</b>				
-	Đoạn tiếp giáp đường ĐT610 (từ thửa đất ở ông Lê Phước Hảo đến hết thửa đất ở ông Ngô Trung Bình.	1	3	0,8	<b>240.000</b>
-	Đoạn từ thửa đất ở ông Lê Phước Hảo đến thửa đất ông Nguyễn Tấn Lạc (Bắc đường), thửa đất ở ông Nguyễn Diên (Nam đường)	1	5	1,0	<b>100.000</b>
-	Đoạn từ thửa đất ông Nguyễn Tấn Lạc (Bắc đường), thửa đất ở ông Nguyễn Diên (Nam đường) đến cuối tuyến.	1	6	1,0	<b>40.000</b>

<b>4</b>	<b>Đường ĐH 12 (Tuyến Quế Trung-Quế Phước)</b>				
-	Đoạn tiếp giáp ĐT610 (Đầu truông Nà Thuận) đến giáp địa giới xã Quế Ninh	1	6	1,0	<b>40.000</b>
<b>5</b>	<b>ĐH 13 (Tuyến Nông Sơn – Quế Lâm )</b>				
-	Đoạn từ cầu Nông Sơn đến hết thửa đất ở bà Phan Thị Hương (tính cho cả hai bên)	2	3	0,8	<b>48.000</b>
-	Đoạn từ thửa đất ở bà Phan Thị Hương (tính cho cả hai bên đường đến địa giới xã Quế Trung-Phước Ninh	1	6	1,0	<b>40.000</b>
-	Các đoạn đường nằm trong khu vực mỏ than Nông Sơn	2	4	1,0	<b>20.000</b>

<b>6</b>	<b>Các tuyến đường tiếp giáp với Đường ĐT610 ngoài qui định trên (tính cho 100 mét đầu so với đường ĐT)</b>				
-	Có điều kiện thuận lợi về kinh doanh, sinh hoạt	1	4	1,0	<b>200.000</b>
-	Ít thuận lợi hơn	1	5	1,0	<b>100.000</b>
<b>7</b>	<b>Các khu dân cư còn lại:</b>				
-	Đường GTNT rộng >2,5m	2	4	0,8	<b>16.000</b>
-	Đường GTNT rộng từ 2-2,5m	2	5	1,2	<b>12.000</b>
	Đường GTNT rộng <2 m	2	5	1,0	<b>10.000</b>
-	Các vị trí còn lại ngoài qui định trên	2	5	0,8	<b>8.000</b>
<b>IV</b>	<b>XÃ QUẾ NINH</b>				
<b>1</b>	<b>Đường ĐH 12 (tuyến Quế Trung-Quế Phước)</b>				
-	Đoạn từ địa giới xã Quế Trung – Quế Ninh đến cầu Khe Dừa	1	6	1,0	<b>40.000</b>
-	Đoạn từ cầu Khe Dừa đến hết thửa đất ở ông Võ A (tính cho cả hai bên)	1	5	1,0	<b>100.000</b>
-	Đoạn từ thửa đất ở ông Võ A đến địa giới xã Quế Ninh-Quế Phước (tính cho cả 2 bên)	1	6	1,2	<b>48.000</b>
<b>2</b>	<b>Chợ Khánh Bình</b>				
-	Những thửa đất ở có mặt tiền tiếp giáp với khu vực chợ	1	5	1,0	<b>100.000</b>
-	Những thửa đất ở không tiếp giáp trực tiếp với chợ nhưng nằm trong khu vực chợ và cách thửa đất mặt tiền nằm trong vệt 25 mét	1	6	1,0	<b>40.000</b>
<b>3</b>	<b>Tuyến tiếp giáp đường ĐH đi đường Trạm tin (thôn 2)</b>				
-	Đoạn tiếp giáp đường ĐH (từ thửa đất ông Trần Văn Ca) đến cầu Phốc	1	6	1,0	<b>40.000</b>
-	Đoạn từ cầu Phốc đến ở Trạm tin (thôn 2)	1	6	0,8	<b>32.000</b>
3.1	Tuyến từ Trạm tin (thôn 2) đi đập Nà Bò				
-	Đoạn từ Trạm tin (thôn 2) đến hết thửa đất ở ông Đỗ Phẩm.	2	4	1,0	<b>20.000</b>
-	Đoạn từ Trạm tin (thôn 2) đến hết Trường Mẫu giáo thôn 1	2	4	1,2	<b>24.000</b>
-	Đoạn từ Trường Mẫu giáo thôn 1 đến hết thửa đất ở ông Bùi Á (tính cho cả hai bên)	2	4	1,0	<b>20.000</b>
-	Đoạn từ thửa đất ở ông Bùi Á (tính cho cả hai bên) đến giáp địa giới Quế Ninh-Quế Lâm	2	4	1,0	<b>20.000</b>
3.2	Tuyến từ Trạm tin (thôn 2) đi đường CK55				

-	Đoạn từ Trạm tin (thôn 2) đến hết thửa đất ở ông Đỗ Phẩm.	2	4	1,2	<b>24.000</b>
-	Từ nhà Ô. Đỗ Phẩm đến giáp đường CK55	2	4	1,0	<b>20.000</b>
<b>4</b>	Đất ở các khu dân cư còn lại				
-	Đường GTNT rộng >2,5m	2	5	1,2	<b>12.000</b>
-	Đường GTNT rộng từ 2-2,5m	2	5	0,9	<b>9.000</b>
-	Đường TTNT rộng <2 m	2	6	1,2	<b>6.000</b>
-	Các vị trí còn lại ngoài qui định trên	2	6	1,0	<b>5.000</b>
<b>V</b>	<b>XÃ QUẾ PHƯỚC</b>				
1	Đường ĐH 12 (Tuyến Quế Trung-Quế Phước)				
-	Đoạn từ địa giới Quế Ninh đến hết thửa đất ở ông Lương Lang (Nam đường), thửa đất ở ông Hồ Ngọc Tri (Bắc đường)	2	3	<b>0,8</b>	<b>48.000</b>
-	Đoạn từ thửa đất ở ông Lương Lang (Nam đường), thửa đất ở ông Hồ Ngọc Tri (Bắc đường) đến hết ngõ ba thôn Đông An (Nam đường), hết trường Tiểu học (Bắc đường)	2	3	1,0	<b>60.000</b>
-	Đoạn từ ngõ ba thôn Đông An (Nam đường), hết trường Tiểu học (Bắc đường) đến cầu khe Bà Trọng.	2	3	0,8	<b>48.000</b>
-	Đoạn từ cầu khe Bà Trọng đến hết Trường THCS Quế Phước (Bắc đường), thửa đất ở ông Nguyễn Thành Vũ (Nam đường)	2	3	0,9	<b>54.000</b>
-	Đoạn từ trường THCS Quế Phước (Bắc đường), thửa đất ở ông Nguyễn Thành Vũ (Nam đường) đến thửa đất ở ông Phan Anh Dũng (tính cả cho hai bên đường)	2	3	1,0	<b>60.000</b>
-	Đoạn từ thửa đất ở ông Phan Anh Dũng (tính cả cho hai bên đường) đến hết thửa đất ở ông Nguyễn Thêm (tính cả cho hai bên đường)	2	3	1,2	<b>72.000</b>
-	Đoạn từ thửa đất ở ông Nguyễn Thêm (tính cả cho hai bên đường) đến thửa đất ở ông Lương Văn Tí (Nam đường), Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Phú Gia 2 (Bắc đường)	2	3	1,0	<b>60.000</b>
-	Đoạn từ thửa đất ở ông Lương Văn Trí (Nam đường) Nhà sinh hoạt cộng đồng thôn Phú Gia 2 (Bắc đường) đến địa giới xã Quế Phước- Quế Lâm	1	6	1,0	<b>40.000</b>
<b>2</b>	Chợ Phú Gia				



-	Những diện tích nhà đất có mặt tiền tiếp giáp trực tiếp với chợ	2	2	0,8	<b>80.000</b>
<b>3</b>	Các tuyến đường tiếp giáp với đường ĐH 12 (trong khu trung tâm xã) ngoài qui định trên (tính cho 100 mét đầu so với đường)				
-	Có điều kiện thuận về kinh doanh, sinh hoạt	2	3	1,2	<b>72.000</b>
-	Ít thuận lợi hơn	2	3	1,0	<b>60.000</b>
<b>4</b>	Các khu dân cư còn lại				
-	Đường GTNT rộng >2,5m	2	5	1,2	<b>12.000</b>
-	Đường GTNT rộng từ 2-2,5m	2	5	0,9	<b>9.000</b>
-	Đường GTNT rộng <2 m	2	6	1,2	<b>6.000</b>
-	Các vị trí còn lại ngoài qui định trên	2	6	1,0	<b>5.000</b>
<b>VI</b>	<b>XÃ PHƯỚC NINH</b>				
<b>1.</b>	Đường ĐH 13 (tuyến Nông Sơn- Quế Lâm				
-	Đoạn từ địa giới xã Quế Trung-Quế Ninh đến cầu bản (thôn Xuân Hòa)	<b>1</b>	<b>6</b>	<b>1,0</b>	<b>40.000</b>
-	Đoạn từ cầu bản (thôn Xuân Hòa) đến Nhà sinh hoạt thôn Xuân Hòa	2	3	1,0	<b>60.000</b>
-	Đoạn từ Nhà sinh hoạt thôn Xuân Hòa đến Cầu Khe Rinh	2	3	0,8	<b>48.000</b>
-	Đoạn từ cầu Khe Rinh đến cầu Khe Ré	2	3	1,0	<b>60.000</b>
-	Đoạn từ cầu Khe Ré đến địa giới xã Phước Ninh-Quế Lâm	1	6	1,0	<b>40.000</b>
-	Đường bê tông thôn Xuân Hòa	2	4	1,0	<b>20.000</b>
-	<b>Đường bê tông thôn Bình Yên</b>	2	3	0,7	<b>42.000</b>
<b>2</b>	Các khu dân cư còn lại				
-	Đường GTNT rộng >2,5m	2	5	1,2	<b>12.000</b>
-	Đường GTNT rộng từ 2-2,5m	2	5	0,9	<b>9.000</b>
-	Đường GTNT rộng <2 m	2	6	1,2	<b>6.000</b>
-	Các vị trí còn lại ngoài qui định trên	2	6	1,0	<b>5.000</b>
<b>VII</b>	<b>XÃ QUẾ LÂM</b>				
<b>1</b>	Đường ĐH 13 (tuyến giáp Nông Sơn-Quế Lâm)				
-	Đoạn từ địa giới xã Quế Lâm-Phước Ninh đến cầu bản (thôn 4)	<b>1</b>	<b>6</b>	<b>1,0</b>	<b>40.000</b>
-	Đoạn từ cầu bản đến cầu Bến Đình	2	3	0,9	<b>54.000</b>
-	Từ cầu Bến Đình đến cuối tuyến đường ĐH	2	4	1,0	<b>20.000</b>
-	Đoạn giáp đường ĐH Nông Sơn – Nà Lau qua trung tâm xã (cuối tuyến)	1	6	0,8	<b>32.000</b>
-	Đoạn từ đường ĐH 13 (trường THCS Quế Lâm) đi khu tái định cư thôn 3	2	4	1,0	<b>20.000</b>

-	Đoạn tiếp giáp đường ĐH từ nhà bà Như đến nhà bà Lai	2	4	1,2	<b>24.000</b>
-	Đoạn từ Gành Dinh ( thôn 6 đi thôn 2)	2	4	0,8	<b>16.000</b>
-	Đoạn từ Nhự Sơn đến xóm đạo thôn 1	2	4	0,8	<b>16.000</b>
-	Đoạn từ nhà ông Duyên thôn 2 đi Quế Ninh	2	4	0,8	<b>16.000</b>
<b>2</b>	Các khu dân cư còn lại				
-	Đường GTNT rộng >2,5 m	2	5	1,0	<b>10.000</b>
-	Đường GTNT rộng từ 2-2,5m	2	5	0,8	<b>8.000</b>
	Đường GTNT rộng < 2 m	2	6	1,0	<b>5.000</b>
-	Các vị trí còn lại ngoài qui định trên	2	6	0,8	<b>4.000</b>